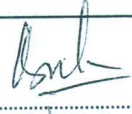
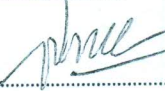
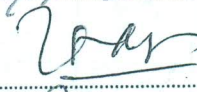
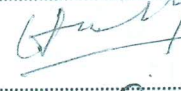
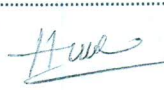


80 th/18

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K27, KHÓA HỌC 2018-2019**

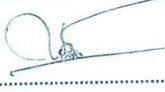
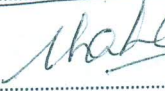
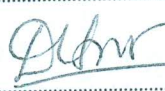
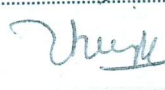
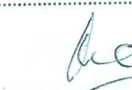
Thi Phần II: Những vấn đề cơ bản về Lịch sử Đảng và LSD CS VN; Thời gian: 180 phút

Ngày thi: 13 tháng 03 năm 2019; Phòng thi số: 03

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Phan Thanh Bình	10/9/1970	02		71	75	Bảy, năm
02	Phạm Thị Kim Cúc	05/6/1975	02		80	75	Bảy, năm
03	Nguyễn Văn Cường	09/9/1980	02		85	675	Sáu, bảy năm
04	Lê Văn Dân	20/8/1976	02		60	70	Bảy
05	Ngọc Đào Phương Dung	31/8/1982	02		18	75	Bảy, năm
06	Nguyễn Hoàng Dũng	05/9/1966	02		77	70	Bảy
07	Trần Dũng	08/01/1975	02		19	725	Bảy, hai năm
08	Trần Xuân Đa	02/9/1963	02		8	725	Bảy, hai năm
09	Đỗ Thị Giang	05/02/1971	02		5	705	Bảy, hai năm
10	Nguyễn Viết Hải	05/5/1976	02		42	725	Bảy, hai năm
11	Tô Thị Hằng	20/6/1985	02		46	75	Bảy, năm
12	Lê Hữu Hào	28/12/1974	02		52	75	Bảy, năm
13	Hoàng Thị Hiền	01/11/1976	02		13	775	Bảy, bảy năm
14	Đào Hữu Hiền	28/3/1972	02		1	725	Bảy, hai năm
15	Phạm Thị Thanh Hiền	15/10/1981	02		7	725	Bảy, hai năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
16	Dương Thị Hồng	Hiền	22/12/1984	02	Hồng 68	8,25	Cảm, hai năm
17	Phan Bá Lê	Hiền	09/8/1979	02	Phan Bá Lê 45	7,25	Bảy, hai năm
18	Vũ Trọng	Hiếu	26/8/1977	03	Vũ 51	7,25	Bảy, hai năm
19	Trần Trung	Hiếu	21/7/1976	02	Trần 47	7,0	Bảy
20	Nguyễn Thành	Hiệu	22/9/1986	02	Thư 9	7,25	Bảy, hai năm
21	Đào Thị Xuân	Hoa	01/8/1976	02	Đ. Hoa 40	7,25	Bảy, hai năm
22	Nguyễn Ngọc	Hoàng	17/3/1975	02	Ng 34	7,0	Bảy
23	Bùi Minh	Hoàng	10/4/1981	02	Hoàng 67	7,5	Bảy, năm
24	Võ Văn	Hoàng	25/2/1966	02	Võ Văn 62	7,0	Bảy
25	Lê Văn	Hồng	17/5/1982	02	Lê 58	7,0	Bảy
26	Trần Mạnh	Huê	29/4/1979	02	Tr 79	7,0	Bảy
27	Võ Thị	Huê	01/6/1979	02	Vũ 70	7,5	Bảy, năm
28	Đoàn Việt	Hùng	10/2/1978	02	Đ. Việt 72	7,0	Bảy
29	Nguyễn Mạnh	Hùng	17/9/1977	02	Nguyễn 78	7,25	Bảy, hai năm
30	Phạm Thị Thanh	Hương	15/10/1973	02	Ph 11	7,75	Bảy, bảy năm
31	Nguyễn Thị Hải	Hường	14/02/1971	02	Nguyễn Thị Hải 56	7,5	Bảy, năm
32	Nguyễn Đức	Huy	24/9/1982	03	Nguyễn 2	8,5	Cảm, năm
33	Trần Quang	Huy	12/10/1983	02	Tr 15	8,25	Cảm, hai năm
34	Nguyễn Thị Minh	Huyền	30/8/1976	02	Nguyễn 63	7,5	Bảy, năm
35	Phạm Văn	Khái	12/12/1962	02	Ph 36	7,0	Bảy
36	Phạm Quang	Khái	25/8/1976	02	Ph 04	7,5	Bảy, năm

d	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
37	Đặng Quang	Khoa	19/5/1979	02		37	75	Bảy, năm
38	Trần	Kiên	12/2/1969	02		41	70	Bảy
39	Lê Tấn	Kiểm	30/01/1979	02		3	675	Sáu, bảy, năm
40	Nông Hoàng	Lan	22/8/1978	02		32	675	Sáu, bảy, năm
41	Nguyễn Thành	Long	07/10/1975	02		75	775	Bảy, bảy, năm
42	Đinh Thị Tuyết	Mai	18/01/1978	02		21	775	Bảy, bảy, năm
43	Nguyễn Thị	Mai	13/02/1990	02		57	75	Bảy, năm
44	Vũ Hùng	Mạnh	06/12/1978	02		53	725	Bảy, hai, năm
45	Bùi Phương	Nam	07/01/1979	02		12	75	Bảy, năm
46	Hoàng Văn	Nghĩa	15/10/1981	02		43	725	Bảy, hai, năm
47	Hồ Trần	Nhật	14/8/1980	02		59	70	Bảy
48	Y Lem	Niê	25/01/1976	02		26	70	Bảy
49	Võ Quốc	Oánh	22/6/1979	1		64	70	Bảy
50	Nguyễn Văn	Pháp	01/01/1983	02		73	75	Bảy, năm
51	Trần Văn	Phước	03/11/1981	2		65	70	Bảy
52	Đỗ Danh	Phương	25/3/1974	2		76	70	Bảy
53	Nguyễn Việt	Phương	22/12/1973	02		20	75	Bảy, năm
54	Lê Thị Bích	Phương	03/7/1989	2		4	75	Bảy, năm
55	Võ Minh	Quân	03/3/1970	02		17	70	Bảy
56	Hoàng Nhật	Quang	11/10/1979	02		44	70	Bảy
57	Trần Ngọc	Sáng	09/8/1979	02		38	75	Bảy, năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
58	Võ Trường Sơn	02/3/1970	02		27	75	Bảy, năm
59	Trần Ngọc Sơn	15/8/1964	03		33	80	Tám
60	Lê Đình Sơn	12/02/1979	02		61	70	Bảy
61	Phạm Ngọc Thắng	26/01/1982	02		66	70	Bảy
62	Trần Ngọc Thắng	05/5/1969	02		74	70	Bảy
63	Lê Tân Thanh	22/10/1978	02		6	725	Bảy, hai năm
64	Lê Đình Thi	18/7/1978	02		53	725	Bảy, hai năm
65	Nguyễn Thị Thìn	04/02/1976	03		24	75	Bảy, năm
66	Đỗ Văn Thơ	24/3/1981	02		39	725	Bảy, hai năm
67	Nguyễn Xuân Thu	28/7/1977	02		48	75	Bảy, năm
68	Lương Thị Kim Thu	12/3/1979	02		14	80	Tám
69	Ngô Thị Tú Thủy	25/10/1969	02		29	725	Bảy, hai năm
70	Nguyễn Dung Thủy Tiên	10/8/1968	02		30	725	Bảy, hai năm
71	Trần Hoàng Tiến	19/8/1970	03		31	725	Bảy, hai năm
72	Hoàng Đình Tiến	16/6/1970	02		23	70	Bảy
73	Phạm Minh Toại	23/4/1981	02		22	75	Bảy, năm
74	Hoàng Thị Thanh Tuyền	16/4/1968	02		16	75	Bảy, năm
75	Nguyễn Thị Tuyết Vân	16/3/1969	02		50	725	Bảy, hai năm
76	Muộn Văn Vinh	03/01/1972	02		49	70	Bảy
77	Hoàng Công Vỹ	26/9/1971	02		10	70	Bảy
78	Nguyễn Thị Nam Vỹ	02/11/1975	02		25	725	Bảy, hai năm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
79	Nguyễn Thị Yến	10/5/1975	02	<i>[Signature]</i>	28	7.25	Bảy hai năm
80	Trương Vũ Thị Hải Yến	11/12/1976	02	<i>[Signature]</i>	69	7.5	Bảy năm

Tổng số: ...170... tờ/ ...80... bài

GIÁM THỊ 01

[Signature]

Ngày...03...tháng...4...năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Văn Cường

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

[Signature]
Ngô Hoài Thu

GIÁM THỊ 02

[Signature]
Đoàn Thị Mai

Ngày...02...tháng...4...năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[Signature]
Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Lê Văn Nam



TS. Đỗ Văn Dương